

Bản án số: 57/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 19-5-2026

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Nga**

Ông Nguyễn Đức Vinh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Đinh Thị Kim Thao** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lào Cai không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai. Xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2026/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N. Số CCCD: 015191006663

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T. Số CCCD: 015082004978

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lào Cai.

(Các đương sự cùng vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13-3-2026 và Bản tự khai ngày 02-4-2026, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Yên Bái (Nay là xã T, tỉnh Lào Cai) vào ngày 19-9-2011. Sau khi kết hôn hai người chung sống hòa thuận đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Nguyễn Văn T ghen tuông vô cớ nên thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị. Mâu thuẫn giữa hai người xảy ra trầm trọng nên tháng 3-2025 hai người đã đến Tòa án làm thủ tục ly hôn nhưng sau đó được hòa giải về đoàn tụ. Sau khi được hòa giải, hai người về chung sống nhưng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng hơn. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung, hai người có 02 con chung là các cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 05-4-2012 và cháu Nguyễn Khánh N1, sinh ngày 03-11-2013. Chị Nguyễn Thị N có đề nghị được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Khánh N1 và giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Duy K. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 02-4-2026, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Yên Bái (Nay là xã T, tỉnh Lào Cai) vào ngày 19-9-2011. Hai người chung sống đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên đã làm thủ tục ly hôn vào tháng 3-2025 nhưng sau đó đã được hòa giải đoàn tụ. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung, hai người có 02 con chung là các cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 05-4-2012 và cháu Nguyễn Khánh N1, sinh ngày 03-11-2013. Anh Nguyễn Văn T có đề nghị được nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, không yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các đơn đề nghị ngày 13-3-2026, cháu Nguyễn Duy K đề đạt nguyện vọng được ở với bố là Nguyễn Văn T; cháu Nguyễn Khánh N1 đề đạt nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị N khi bố mẹ ly hôn.

Toà án nhân dân khu vực 2-Lào Cai đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Trong quá trình tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đề nghị được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Khánh N1. Bị đơn không nhất trí ly hôn và giữ nguyên yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và giải quyết chia tài sản chung.

Ngày 07-5-2026 các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai.

[1.2] Các đương sự đều có đề nghị xét xử vắng mặt nên Toà án căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và Trích lục kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lào Cai cung cấp, thể hiện hai người có đăng ký kết hôn, việc kết hôn giữa hai người phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nên việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp.

Các đương sự đều thừa nhận trong cuộc sống chung, đã xảy ra mâu thuẫn và trước đây đã từng làm thủ tục ly hôn, nhưng sau khi về đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn vẫn thường xuyên xảy ra. Do các đương sự đều xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nên theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh. Vì vậy, có cơ sở để xác định mục đích của hôn nhân giữa hai người không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Cần căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các giấy khai sinh, thể hiện: Giữa hai người có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 05-4-2012 và cháu Nguyễn Khánh N1, sinh ngày 03-11-2013.

Nguyên vọng được nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung của các đương sự đều chính đáng. Tuy nhiên, do các đương sự không thỏa thuận được về việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nên cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung cũng như nguyện vọng của các cháu để quyết định việc giao con. Tại đơn đề nghị của cháu Nguyễn Duy K thể hiện nguyện vọng được ở với bố; cháu Nguyễn Khánh N1 thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 81; 82; 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Khánh N1 và giao cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Duy K. Do các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Toà án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81; 82; 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Khánh N1, sinh ngày 03-11-2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Giao cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 05-4-2012 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: 0000874 ngày 13-3-2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 - Lào Cai;
- Các đương sự, Niêm yết,
- THA Dân sự khu vực 2 - Lào Cai;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Dũng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Đức Vinh

Vũ Dũng